

**UBND XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG THCS QUÀI NỪA**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC: 2025 - 2026**

*(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

(Thời điểm báo cáo tháng 6 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: **Trường THCS Quài Nừa**

2. Địa chỉ trụ sở chính: **Bản Minh Thắng, xã Tuần giáo, tỉnh Điện Biên;**

Điện thoại: 0977 167 367;

Địa chỉ thư điện tử: thcsquainua.tg@dienbien.edu.vn;

Cổng thông tin điện tử: <http://thcsquainua.tuangiao.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: **Công lập**

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Tuần Giáo

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

a) Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, kỷ luật, thân thiện, có nề nếp để học sinh phát triển toàn diện, phát triển tối đa khả năng của bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước.

b) Tầm nhìn: Trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và vươn tới thành công, nơi mà học sinh được phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thể chất, tinh thần.

c) Mục tiêu giáo dục: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Quài Nừa tiền thân là Trường phổ thông cơ sở Quài Nừa, thành lập năm 1967 thuộc xã Quài Nừa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu. Năm 2001 được chia tách thành trường THCS Quài Nừa theo quyết định số 133b/QĐ-UB ngày 15/08/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo.

Trải qua 59 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã có một bề dày truyền thống và là niềm tự hào của của nhân dân địa phương và phụ huynh học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Ông: Trần Anh Dũng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Bản Minh Thắng, xã Tuần giáo, tỉnh Điện Biên;

Số điện thoại: 0977 167 367

Địa chỉ thư điện tử: trananhdung.thcsquainua.tg@dienbien.edu.vn;

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Số 133^b /QĐ-UB ngày 15 tháng 8 năm 2001 của UBND huyện Tuần Giáo về việc tách và thành lập các trường trực thuộc.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Tuần Giáo về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Quyết định điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND xã Tuần Giáo về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Quài Nưa; Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Tuần Giáo về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

c) Trường có Quy chế tổ chức và hoạt động; sơ đồ tổ chức bộ máy;

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Kế hoạch số 30a/KH-THCS ngày 05/4/2021 của trường THCS Quài Nưa, Kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030;

- Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục;

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường;

- Đề án vị trí việc làm;

- Quy chế dân chủ cơ sở;

- Nghị quyết Hội đồng giáo dục;

- Quy chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 32 chia thành 02 tổ chuyên môn (tổ Khoa học tự nhiên, tổ Khoa học xã hội) và 01 tổ Văn phòng. Trong đó:

- Cán bộ quản lý: 03, Giáo viên: 22, cụ thể:

+ Giáo viên THCS hạng II: 19.

+ Giáo viên THCS hạng III: 06.

+ Nhân viên: 07. Trong đó: Viên chức: 05; Hợp đồng lao động: 02.

- Trình độ đào tạo: Đại học: 26; Cao đẳng: 01; Trung cấp: 04; CQĐT: 01.

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Đạt chuẩn trình độ đào tạo: $25/25 = 100\%$ cán bộ quản lý, giáo viên.

- Đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định từ Khá trở lên: $25/25 = 100\%$ giáo viên, cán bộ quản lý. Trong đó:

+ Chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 17; Khá: 05.

+ Chuẩn Hiệu trưởng: Tốt: 03.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

$32/32 = 100\%$ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (viên chức) hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích khu đất xây dựng trường: $6107,3 \text{ m}^2$

- Diện tích bình quân cho một học sinh: $13,07 \text{ m}^2$

Đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Khối hành chính quản trị: Có: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng bảo vệ, 01 nhà vệ sinh GV; 01 khu để xe của GV. Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính quản trị của nhà trường.

- Khối phòng học tập: Có 12 phòng học và 05 phòng học bộ môn. Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập đáp ứng các yêu cầu hoạt động của nhà trường theo quy định:

Phòng học của nhà trường có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc của HS THCS, được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt.

05 phòng học bộ môn: 01 phòng Tiếng Anh, 01 phòng Tin học, 02 phòng KHTN, 01 phòng Công nghệ, các phòng học bộ môn cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định,

- Khối phòng hỗ trợ học sinh học tập: Có 01 Thư viện; 01 phòng Thiết bị giáo dục; 01 phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; 01 phòng truyền thống và Đoàn, Đội

Phòng thiết bị giáo dục: Có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;

Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: bảo đảm có 01 phòng, bố trí ở tầng 1;

Phòng truyền thống và Đoàn, Đội: Trang bị đầy đủ thiết bị.

- Khối phụ trợ: Có 01 Văn phòng, 02 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng Y tế trường

TRƯỞNG
NGHĨA
QUẢ

học, nhà kho, khu để xe học sinh, khu vệ sinh học sinh, cổng, hàng rào

Văn phòng: Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

Phòng các tổ chuyên môn: có 02 phòng sử dụng cho 02 tổ chuyên môn; trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

Phòng Y tế trường học: Có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;

Nhà kho: bảo đảm có 02 phòng; để dụng cụ chung và học phẩm của trường;

Khu để xe học sinh: có mái che; đảm bảo các quy định;

Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng;

Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây), bảo đảm vững chắc, an toàn, cổng trường kiên cố, vững chắc gắn cổng và biển tên trường.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Có 01 sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân bằng phẳng, có cây xanh bóng mát; Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.

- Hạ tầng kỹ thuật: Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống cấp điện, đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy; đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường; Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió.

Đảm bảo các yêu cầu tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu của trường THCS theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT. Không tăng, không giảm so với năm học trước.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Có đủ thiết bị dạy học theo quy định (01 bộ đồ dùng thiết bị dạy học tối thiểu/01 lớp). Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường theo quy định.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sách giáo khoa sử dụng trong thư viện đảm bảo danh mục sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống – Nhà xuất bản Giáo dục).

- Danh mục, xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu được lựa chọn, sử dụng tại nhà trường đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Văn bản số: 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông và theo Điều 5, Điều 6 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT về chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục và thời hạn công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường trung học và các mức đánh giá trường trung học. Kết quả cụ thể về các chỉ số, các tiêu chí như sau:

- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 1: $28/28 = 100\%$
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 2: $28/28 = 100\%$
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 3: $20/20 = 100\%$
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 4: $3/6 = 50\%$

Trường THCS Quài Nưa tự đánh giá đạt tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian:

- + Năm 2013: được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia.
- + Năm 2016: Đánh giá ngoài đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3.
- + Năm 2019: Đạt được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia.
- + Năm 2023: Đạt tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 (Quyết định số 74/2023/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Điện Biên).

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

+ Đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài năm 2023 và kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá hằng năm. Nghiêm túc thực hiện các nội dung của kế hoạch cải tiến chất lượng, khắc phục được một số tồn tại đã được chỉ ra trong kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài).

- + Bổ sung minh chứng hằng năm theo quy định.
- + Tăng cường các biện pháp quản lý, chỉ đạo để nâng cao hiệu quả công tác, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, văn bản theo quy định.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

*** Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học**

a) Kế hoạch tuyển sinh (có kế hoạch kèm theo).

- b) Kế hoạch giáo dục nhà trường (có kế hoạch kèm theo).
 c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh học sinh (có quy chế kèm theo).
 d) Phân phối chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh (kèm theo kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch của các bộ phận cá nhân có liên quan).

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học

a) Kết quả tuyển sinh; thống kê học sinh

Thực hiện chỉ tiêu lớp, học sinh, tỉ lệ huy động theo kế hoạch giao tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND xã Tuần Giáo:

Khối lớp	Kế hoạch giao		Năm học 2025 - 2026							HSKT
			Đầu năm		Cuối năm					
	Số lớp	Số HS	HSKT	Số HS	Số lớp	Số HS	Duy trì	HSDT	Hs/lớp	
6	3	124	4	124	3	122	98.4%	112	40.7	4
7	3	126	2	125	3	125	100%	118	41.6	2
8	3	121	4	117	3	115	98.3%	109	38.3	4
9	3	108	3	107	3	105	98.1%	100	35.0	-3
Tổng	12	479	12	473	12	467	98.7%	439	38.9	13

Có 06 học sinh chuyển đi nơi khác theo nguyện vọng gia đình.

100% học sinh nhà trường tham học học 2 buổi/ngày.

Nhà trường đã ổn định quy mô mạng lưới trường lớp, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của con em nhân dân trên địa bàn.

b) *Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;*

- Kết quả đánh giá học sinh năm học 2025-2026 theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT chương trình GDPT 2018:

+ Kết quả học tập:

Khối lớp	Số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	122	19	15.6	47	38.5	56	45.9	0	0

7	125	19	15.2	51	40.8	54	43.2	1	0.8
8	115	17	14.8	48	41.7	49	42.6	1	0.9
9	105	20	19.5	37	35.2	48	45.7	0	0
TS	467	75	16.1	183	39.2	207	44.3	2	0.4

+ Kết quả rèn luyện:

Khối lớp	Số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	SL	SL	%	SL	%
6	122	117	95.9	5	4.1	0	0	0	0
7	125	110	88.0	12	9.6	2	1.6	1	0.8%
8	115	98	85.2	12	10.4	4	3.5	1	0.9%
9	105	95	90.5	7	6.7	3	2.9	0	0
TS	467	420	89.9	36	7.7	9	1.9	2	0.4%

+ $465/467 = 99,6\%$ học sinh được lên lớp.

+ $2/467 = 0,4\%$ học sinh phải bồi dưỡng, rèn luyện trong hè.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Năm học 2025-2026 học sinh lớp 9 hoàn thành chương trình giáo dục THCS: $105/105 = 100\%$.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

1.1. Nguồn thu kinh phí ngân sách năm 2026

Đvt: đồng

STT	Tên nguồn thu	Kết quả thực hiện 6 tháng năm 2025	Kết quả thực hiện 6 tháng năm 2026	Tỷ lệ 6 tháng năm 2026 so với 6 tháng năm trước
1	Nguồn NSNN cấp	4.801.060.711	6.405.272.980	33,41
1.1	Kinh phí thường xuyên, tự chủ	3.946.722.711	5.764.244.980	46,05
1.2	Kinh phí không thường xuyên	854.338.000	641.028.000	-24,97

1.2. Các khoản thu từ người học năm học 2025-2026

Đvt: đồng

STT	Khoản thu	Khối 6 (ĐVT đồng)	Khối 7 (ĐVT đồng)	Khối 8 (ĐVT đồng)	Khối 9 (ĐVT đồng)	Tổng
1.	Thu hộ bảo hiểm thân thể học sinh năm học 2025-2026	6.400.000	5.100.000	4.800.000	4.600.000	20.900.000

2. Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2.1 Chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026

Đvt: đồng

STT	Nội dung chi	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện năm 2026	Tỉ lệ chi(%)
1	Chi cho con người (Chi lương và các khoản đóng góp theo lương, chi CTP)	3.889.048.100	5.685.171.051	7.512.710.000	46,18

2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, sửa chữa, thuê mướn, dịch vụ ...)	57.674.611	79.073.929	85.000.000	37,10
3	Chi hỗ trợ người học	0			
3.1	Chi học bổng bán trú	372.528.000	569.088.000	1.014.696.000	52,76
3.2	Chi hỗ trợ chi phí học tập	354.900.000	34.500.000	765.000.000	-90,28
3.3	Chi học bổng học sinh khuyết tật	102.960.000	37.440.000	779.200.000	-63,64
3.4	Chi cấp bù học phí	23.950.000		1.482.250.000	-100,00
4	Chi khen thưởng	0		379.947.660	
	Tổng	4.801.060.711	6.405.272.980	12.018.803.660	

2.2 Chi các khoản thu từ người học năm học 2025-2026

Đvt: đồng

STT	Khoản thu	Tổng	Tỉ lệ chi
1.	Nộp tiền BH thân thể cho học sinh năm học 2025-2026	20.900.000	100%
	Tổng		

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Học phí theo nghị quyết số 04/2024/NQ- HĐND ngày 18/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về Chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Chế độ hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật Theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013;

Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển;

Đầu năm học đơn vị lập kế hoạch, thông tin đến toàn bộ học sinh, phụ huynh học sinh về các chế độ, chính sách có liên quan đến học sinh tại đơn vị như: cấp bù, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chế độ học bổng học sinh bán trú, học bổng học sinh khuyết tật để thực hiện, qua nhiều năm thực hiện đã mang lại kết quả cao, hỗ trợ tốt cho việc học tập của học sinh:

Đvt: đồng

STT	Nội dung	6 tháng đầu Năm 2025		6 tháng đầu Năm 2026		Tỷ lệ 6 tháng đầu năm 2026 so với 6 tháng năm trước
		Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
1	Đối tượng hưởng Chi phí học tập		354.900.000		34.500.000	9,72%
1.1	Đối tượng hưởng Chi phí học tập 5 tháng đầu năm	483	354.900.000	46	34.500.000	9,72%
2	Đối tượng cấp bù học phí		23.950.000		0	0,00%
2.1	Đối tượng cấp bù học tập 5 tháng đầu năm	483	23.950.000	467	0	0,00%
3	Đối tượng học bổng học sinh bán trú		372.528.000		569.088.000	152,76%
3.1	Đối tượng được hưởng 5 tháng đầu năm	100	372.528.000	102	476.424.000	127,89%
	Đối tượng được hưởng 5 tháng đầu năm 2025			99	92.664.000	
4	Đối tượng học bổng học sinh khuyết tật		102.960.000		37.440.000	36,36%
4.1	Đối tượng được hưởng 5 tháng đầu năm	11	102.960.000	4	37.440.000	36,36%
Tổng			854.338.000		641.028.000	

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện chương trình giáo dục giáo dục phổ thông

1.1. Giáo dục trung học

Năm học 2025-2026 trường THCS Quài Nưa thực hiện đảm bảo thời lượng dạy học các môn học/các hoạt động giáo dục theo quy định; nâng cao chất lượng giờ học; không có tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; đảm bảo quyền lợi, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương;

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, bảo đảm phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng sống, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục; bố trí thời gian thực hiện chương trình hiệu quả, khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

Nhà trường tổ chức nghiêm túc các kỳ kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ theo kế hoạch và các hướng dẫn. Chỉ đạo tổ chức và tham gia các kì thi, hội thi đúng quy định theo hướng dẫn của các cấp:

- Kỳ thi HS giỏi các môn văn hóa lớp 9:

Cấp trường: Tổng số 80 HS dự thi, kết quả: 12 HS đạt giải cấp trường trong đó: 02 giải ba, 10 giải khuyến khích.

Cấp xã: Tổng số 25 HS dự thi, có 05 HS được chọn ôn thi cấp tỉnh.

Cấp tỉnh: Tổng số 05 HS dự thi, kết quả 05 HS đạt giải trong đó: 02 giải nhì; 02 giải ba, 01 giải khuyến khích. Trường THCS Quài Nưa xếp thứ 16/120 trường THCS trong tỉnh về chất lượng học sinh giỏi tỉnh.

- Kỳ thi giao lưu các môn Văn, Toán, Tiếng Anh:

Cấp trường: Đạt 22 giải, gồm: 01 giải nhì; 03 giải ba; 18 giải khuyến khích.

Cấp xã: Có 48 HS tham gia, 28 HS giải đạt 58,3% (01 giải nhất; 06 giải nhì; 10 giải ba; 11 giải khuyến khích)

- Cuộc thi Nghiên cứu KHKT dành cho HS THCS có: 01 sản phẩm tham gia tuyển chọn cấp xã.

- Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng năm 2026 có: 04 sản phẩm tham gia đạt giải cấp trường (01 giải nhì; 02 giải ba; 01 giải khuyến khích) tham gia thi cấp xã, 02 sản phẩm đạt giải ba; 01 sản phẩm được lựa chọn tham gia dự thi cấp tỉnh.

- Cuộc thi IOE: Cấp tỉnh: 02 đạt trên 1000 điểm. Cấp quốc gia: 01 học sinh được BTC tặng giấy khen.



- Đấu trường VioEdu: Đạt 01 giải đồng cấp tỉnh.

- Cuộc thi sáng kiến bảo đảm an toàn trường học, phòng chống bạo lực học đường:

Cấp trường: Đạt 16 giải, gồm: 01 giải Nhất; 03 giải Nhì; 05 giải Ba; 07 giải Khuyến khích;

Cấp xã: 01 giải Nhì, 01 giải Ba;

Cấp tỉnh: 01 giải tiềm năng.

- Hội thi vẽ tranh “Chung tay bảo vệ rừng và môi trường vì tương lai xanh”:

Cấp trường: đạt 15 giải, gồm: 01 giải Nhất; 02 giải Nhì; 03 giải Ba; 09 giải Khuyến khích.

Cấp xã: đạt 03 giải, gồm: 01 giải Nhì; 01 giải Ba; 01 giải Khuyến khích.

- Phong trào Thể dục thể thao: Tham gia Hội khỏe Phù Đổng và các giải thi đấu cấp xã đạt nhiều huy chương ở các môn: Điền kinh, Cầu lông, đóng góp vào thành tích chung của toàn đơn vị.

- Các cuộc thi viết, thi trực tuyến: Tham gia đầy đủ, đúng quy chế.

1.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Căn cứ Chương trình GDPT 2018, các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, UBND tỉnh, Sở GDĐT, UBND xã Tuần Giáo, nhà trường đã xây dựng ban hành, Kế hoạch giáo dục nhà trường bảo đảm huy động đầy đủ nguồn lực về đội ngũ, CSVC, thiết bị dạy học hiện có. Kế hoạch giáo dục của nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc phân hóa đối tượng học sinh, có giải pháp bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức ôn tập hiệu quả cho học sinh cuối cấp, phụ đạo học sinh có kết quả học tập chưa đạt theo quy định.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo Chỉ thị số 17/CTTTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn số 4567/BGDĐT-GDPT của Bộ GDĐT, văn bản số 2540/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2025 của Sở GDĐT. Kế hoạch giáo dục nhà trường và tổ chuyên môn thể hiện rõ nội dung, thời lượng, thời gian, địa điểm, đối tượng học sinh, phương án phân công giáo viên... trong việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày;

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tổ chức các hoạt động giáo dục khác đảm bảo các quy định.

Tiếp tục triển khai hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Trong nội dung giáo dục địa phương, lồng ghép nội dung Giáo dục quốc phòng và an ninh bảo đảm chất lượng, đạt mục tiêu chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn, năng lực đội ngũ và điều kiện dạy học của nhà trường.

1.3. Triển khai thực hiện giảng dạy chương trình tiếng Anh theo Chương trình GDPT 2018 đối với các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9.

Xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện phong trào học tiếng Anh. GV dạy tiếng Anh đảm bảo trình độ theo yêu cầu; 97% HS được đánh giá mức Đạt trở lên, trong đó Tốt: 14.5%; Khá 40,0%.

Tổ chức thành công chuyên đề, phát động phong trào học tiếng Anh.

Tham gia kì thi HS giỏi văn hóa lớp 9 môn Tiếng Anh đạt 01 giải nhì, 01 giải ba cấp tỉnh. Tham gia IOE có 16 HS thi cấp trường, 04 HS đạt giải cấp xã; 02 HS đạt giải khuyến khích cấp tỉnh; 02 HS hoàn thành tốt cấp Quốc gia. Tham gia kì thi giao lưu lớp 6,7,8 cấp xã đạt 6 giải (01 giải nhất; 03 giải nhì, 02 giải khuyến khích).

1.4. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện văn hóa học đường

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; các nội dung dạy học tích hợp được thể hiện cụ thể trong kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học, kế hoạch bài dạy; linh hoạt lựa chọn hình thức dạy học nội dung tích hợp phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

2.1. Phát triển mạng lưới trường, lớp

Thực hiện chỉ tiêu lớp, học sinh, tỉ lệ huy động theo kế hoạch giao tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND xã Tuần Giáo.

2.2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Nhà trường có 12 phòng học kiên cố, 05 phòng học bộ môn (02 phòng KHTN, 01 phòng Tin học, 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Công nghệ). Đảm bảo điều kiện CSVC tối thiểu và đủ điều kiện để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày.

Phòng học, phòng học bộ môn và phòng chức năng được sắp xếp khoa học, đảm bảo vệ sinh và an toàn. Việc tu sửa nhỏ như thay thế hệ thống chiếu sáng, sửa chữa bàn ghế hư hỏng được tiến hành kịp thời ngay từ đầu năm học, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập.

Thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện chương trình GDPT 2018. 100% giáo viên tích cực mượn và sử dụng đồ dùng dạy học; phong trào tự làm đồ dùng dạy học tiếp tục được duy trì, năm học 2025-2026 có 04 bộ đồ dùng tự làm được bổ sung hệ thống thiết bị dạy học của nhà trường.

Tiếp tục công tác tham mưu các cấp thực hiện bố trí, bảo đảm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu...

Chỉ đạo sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có.

Chỉ đạo thực hiện tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, phát triển và khai thác kho học liệu số của nhà trường và ngành;

Chỉ đạo đẩy mạnh việc sử dụng học liệu số hỗ trợ giáo viên trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

2.3. Bảo đảm sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương

Tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh mua sắm sách giáo khoa phục vụ học tập. Thực hiện đăng ký đầy đủ, kịp thời nhu cầu sách giáo khoa theo từng khối lớp, bảo đảm 100% học sinh có sách học ngay từ đầu năm học.

GR
TRÚC
NG HỌ
QUẢ

Rà soát, huy động, khai thác hiệu quả nguồn sách giáo khoa được ủng hộ từ các năm học trước, tổ chức bổ sung vào thư viện nhà trường để phục vụ nhu cầu mượn – đọc sách giáo khoa;

Chỉ đạo chủ động rà soát, điều chỉnh ngữ liệu trong bài học, chủ đề, ngữ liệu thực hành trong sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương nhằm phù hợp với địa giới hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

a) Đảm bảo đội ngũ giáo viên triển khai Chương trình giáo dục

Đến tháng 5/2026 nhà trường có tổng số 32 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chia thành 02 tổ chuyên môn: tổ Khoa học tự nhiên, tổ Khoa học xã hội và 01 tổ Văn phòng. Trong đó: CBQL: 03, GV: 22, NV: 07.

Số lượng giáo viên cơ bản đảm bảo định mức vị trí việc làm: 1,83 GV/lớp. Cơ cấu giáo viên cơ bản đảm bảo. Một số môn học mới, vị trí đặc thù nhà trường bố trí kiêm nhiệm và cử tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ: Tư vấn tâm lý, giáo dục khuyết tật, ...

Phân công giáo viên dạy đúng, đủ các môn học theo quy định Chương trình GDPT 2018; Đảm bảo thời gian làm việc, định mức tiết dạy của cán bộ quản lý, giáo viên trong năm học theo quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT và các văn bản liên quan.

Trong năm học 2025-2026 có nhiều biến động nhân sự: 01 giáo viên Văn-Sử chuyển trường; từ tháng 01/2026, có 01 giáo viên tổ KHTN tham gia học TCLL chính trị;

b) Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn

- Nhà trường có: $25/25 = 100\%$ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đạt chuẩn.

- Chất lượng tay nghề của đội ngũ: GV dạy giỏi cấp tỉnh (bảo lưu): $2/22$ đạt tỉ lệ 9,1%; GV dạy giỏi cấp huyện (bảo lưu): $7/22$ đạt tỉ lệ 31,8%; GV dạy giỏi cấp trường $17/22$ đạt tỉ lệ 77,3%.

- Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động: Có $32/32 = 100\%$ cá nhân trong được đánh giá mức “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên, trong đó: Viên chức (không giữ chức vụ quản lý): Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: $5/27 = 17,2\%$; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: $22/27 = 82,8\%$.

- Đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV: $22/22$ đạt chuẩn nghề nghiệp trở lên. Trong đó: Tốt: $17/22 = 77,3\%$; Khá: $5/22 = 22,7\%$.

100% giáo viên tham gia bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông 2018, xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. 100% cán bộ quản lý và giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo chuyên môn.

Trong năm có 01 cán bộ quản lý và 01 giáo viên tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn tâm lý học đường; 02 giáo viên và 01 nhân viên bồi dưỡng nghiệp vụ giáo dục trẻ khuyết tật. 100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia bồi dưỡng AI.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn cụm đầy đủ, có chất lượng, chú trọng đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn theo hướng thiết thực, hiệu quả, bám sát yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018.

Duy trì sinh hoạt chuyên môn trường, tổ, nhóm chuyên môn định kỳ (2 lần/tháng), tập trung vào nghiên cứu bài học và đổi mới phương pháp. Sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn được duy trì nền nếp, chuyển từ hình thức hành chính sang tập trung vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong dạy học, lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và phát triển năng lực số

3.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, tăng cường năng lực tự học, trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, hướng học sinh phát huy năng lực tư duy giải quyết vấn đề.

Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh: Tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu thu hút HS tham gia góp phần phát triển năng lực HS: Văn nghệ, Thể dục – Thể thao, Mỹ thuật, năng lực số... Các câu lạc bộ hoạt động thường xuyên hiệu quả. Tổ chức và động viên HS tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật HS trung học, Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, ...

Chuẩn bị kế hoạch bài dạy chu đáo để tổ chức hiệu quả từng tiết học chính khóa; thực hiện linh hoạt, hiệu quả tiến trình dạy học, chú trọng phát huy vai trò của người học trong từng khâu: từ khởi động, khám phá kiến thức, luyện tập đến vận dụng và mở rộng. Đối với học sinh chưa đạt yêu cầu cần đạt, nhà trường tổ chức phụ đạo theo đúng quy định.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học: 100% giáo viên sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm dạy học tích cực. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trên 70% tổng số tiết dạy trong cả năm học.

3.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Thực hiện đánh giá học sinh và đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá theo đúng các quy định, tập trung đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh, bám sát yêu cầu cần đạt của CT GDPT. Sử dụng tích hợp linh hoạt các hình thức đánh giá như vấn đáp, viết, thực hành, quan sát, sản phẩm học tập, bài kiểm tra trên giấy hoặc trực tuyến, nhằm phản ánh toàn diện quá trình học tập và kết quả rèn luyện của học sinh.

Tăng cường đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập, hoạt động nhóm, dự án học tập, thuyết trình, hồ sơ học tập; tổ chức đánh giá định kỳ với các hình thức phù hợp như bài thực hành, bài kiểm tra tổng hợp, sản phẩm sáng tạo, dự án tích hợp.

ÁO
SING
C CO
NUA

Chú trọng đánh giá các nội dung giáo dục tích hợp về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, đạo đức liêm chính, an toàn giao thông, giải quyết các vấn đề thực tiễn, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh.

Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra theo ma trận; xây dựng ngân hàng đề kiểm tra theo hướng dẫn và quy định của các cấp.

3.3. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

Xây dựng kế hoạch giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhu cầu, năng lực của học sinh và điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường.

Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trải nghiệm nghề nghiệp gắn với thực tiễn; chủ động tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học và hoạt động giáo dục theo CTGDPT; khuyến khích học sinh tìm hiểu, khám phá ngành nghề thông qua mô hình giáo dục STEM/STEAM...

Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn hướng nghiệp, trong năm có 04 CBQL, GV tham gia bồi dưỡng công tác tư vấn hướng nghiệp do Sở GDĐT tổ chức.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, cung cấp thông tin thị trường lao động, ngành nghề đào tạo để hỗ trợ học sinh lựa chọn nghề nghiệp, định hướng phân luồng phù hợp sau THCS góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển bền vững nguồn lực địa phương.

Thực hiện tư vấn đối với HS lớp 9 để các em có lựa chọn con đường học tập phù hợp với năng lực học tập, điều kiện kinh tế gia đình.

3.4. Thực hiện giáo dục kỹ năng sống, triển khai học bạ số

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục

Triển khai các giải pháp thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030” theo mục tiêu Đề án và hướng dẫn của Bộ/Sở GDĐT.

Tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá; triển khai hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nhà trường (Smas), học bạ số, hồ sơ điện tử (eDoc). Phát triển năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn ngành.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phục vụ tập huấn giáo viên dưới hình thức trực tuyến; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh, hướng đến mục tiêu “giáo dục trong mọi hoàn cảnh”.

b) Triển khai thực hiện Khung năng lực số, Học bạ số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đổi mới công tác quản lý giáo dục

Triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và triển khai của Sở GDĐT.

100% các môn học, hoạt động giáo dục đều tích hợp khung năng lực số. Tham gia chuyên đề cụm và tổ chức chuyên đề trường triển khai khung năng lực số trong dạy học.

Thực hiện thí điểm dạy học AI cho học sinh; Tổ chức chuyên đề trường về dạy học thí điểm AI cho học sinh.

Việc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) thí điểm trong việc soạn giảng, tạo kho học liệu số và hỗ trợ học sinh tự học đã mang lại hiệu quả rõ rệt, giúp bài giảng trở nên trực quan và sinh động hơn. Tham gia 02 cuộc thi về sáng tạo AI.

Triển khai Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, 100% học sinh sử dụng học bạ số.

3.5. Tổ chức thực hiện xét công nhận học sinh tốt nghiệp THCS, tuyển sinh vào lớp 10

Tổ chức thực hiện xét công nhận học sinh hoàn thành chương trình giáo dục THCS đúng các văn bản hướng dẫn.

Kết quả: $105/105 = 100\%$ học sinh lớp 9 đủ điều kiện được công nhận hoàn thành chương trình giáo dục THCS.

Xây dựng kế hoạch dạy học, ôn tập, ôn thi tuyển sinh ngay từ đầu năm học. Thực hiện chương trình lớp 9 đúng quy định và thời gian; triển khai và thực hiện hướng dẫn của Sở GDĐT về xét công nhận hoàn thành chương trình THCS năm 2026 và cấu trúc đề thi vào lớp 10 năm học 2026-2027.

Có 72 học sinh tham gia kì thi tuyển sinh vào 10 năm học 2026-2027.

4. Nâng cao chất lượng PCGD và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

4.1. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc

Tích cực tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của UBND tỉnh và các văn bản của Sở GDĐT về việc thực hiện nhiệm vụ PCGD-XMC.

Chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với các lực lượng tuyên truyền, vận động tối đa dân số trong độ tuổi đến trường ra lớp, duy trì sĩ số học sinh, giảm học sinh bỏ học giữa chừng, giảm số học sinh đi học không chuyên cần: Huy động 100% học sinh từ 11-14 tuổi ra lớp; Không có học sinh bỏ học; tỉ lệ chuyên cần đạt trên 95%.

Thực hiện điều tra, cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý PCGD-XMC đúng thời gian quy định. Tham mưu kiện toàn Ban chỉ đạo; thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra kết quả PCGD-XMC; lưu trữ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Duy trì bền vững phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

4.2. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Năm học 2025-2026 trường có 13 học sinh khuyết tật: 02 HS khuyết tật khác, 11 HS khuyết tật trí tuệ.

Chỉ đạo thực hiện hiệu quả giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật; 100% học sinh khuyết tật đều được xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho học

sinh khuyết tật thông qua việc điều chỉnh chương trình học phù hợp với nhu cầu, khả năng của từng em, mục tiêu cụ thể phù hợp, được theo dõi đánh giá sau mỗi kì học. 13/13 học sinh đều đủ điều kiện lên lớp.

Chủ động triển khai các hoạt động hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong năm học, bao gồm: hỗ trợ tài chính, chi phí học tập, sách vở, đồ dùng học tập và các hình thức hỗ trợ khác nhằm bảo đảm điều kiện học tập cho học sinh, tổ chức nhiều đợt trao quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn: trung thu, tết nguyên đán, tết thiếu nhi 01/06, ...

5. Tiếp tục đổi mới trong công tác quản lý, quản trị trường học và tăng cường công tác kiểm tra

5.1. Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn; thực hiện nhập liệu, khai thác, sử dụng thống nhất cơ sở dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo (Smas, CSDL quốc gia, CSDL ngành).

Tổ chức cho CBQL, GV ký cam kết không vi phạm quy định về dạy thêm học thêm và giữ gìn uy tín nhà giáo. 100% giáo viên trong nhà trường không tổ chức dạy thêm trái phép.

5.2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Xây dựng và thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ: kiểm tra, giám sát thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra chuyên đề.

Trong năm 100% các giáo viên, nhân viên, bộ phận đều được kiểm tra (theo kế hoạch, đột xuất) đúng quy định. 100% đều được đánh giá từ đạt trở lên.

Ban kiểm tra nội bộ phối kết hợp chặt chẽ với các bộ phận để giải quyết kịp thời các nội dung liên quan; kiến nghị hiệu trưởng xử lý đúng thẩm quyền kết quả kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hạn chế, thiếu sót

5.3. Đẩy mạnh tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác dạy học và quản lý, bảo đảm tính lan tỏa, hiệu quả, thiết thực, phù hợp điều kiện địa phương; gắn với phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Nhà trường gắn nội dung của các phong trào thi đua với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường. Cụ thể hóa các nội dung thi đua cho từng đợt thi đua trong năm học. Phong trào thi đua năm học 2025 - 2026 được triển khai bám sát chủ đề “Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển”. Mục tiêu cốt lõi là tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05/CT-TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với các phong trào thi đua:

Thi đua Dạy tốt - Học tốt: Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phương pháp giáo dục STEM/STEAM vào giảng dạy để phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Chuyển đổi số và Đổi mới quản trị: Số hóa tài liệu, đẩy mạnh học bạ điện tử và tăng cường kiểm tra giám sát.

Xây dựng trường học hạnh phúc: Tạo môi trường học tập an toàn, thân thiện, bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Phân luồng và hướng nghiệp: Nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ, hướng tới đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai.

Các đợt thi đua được thầy và trò nhiệt tình hưởng ứng, cuối các đợt thi đua đều tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, động viên, khích lệ. Qua các phong trào thi đua đã kịp thời phát hiện bồi dưỡng, tuyên dương, nhân rộng những tấm gương điển hình tiên tiến.

Trong năm học qua nhà trường đã có 17 giải pháp đổi mới trong dạy học, 11 sáng kiến kinh nghiệm được áp dụng và công nhận cấp trường. Có 06 sáng kiến công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn xã Tuần Giáo, năm học 2025-2026 theo Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND xã Tuần Giáo.

6. Công tác khác

6.1. Giáo dục Thể chất và phong trào TDTT trong trường học

Thực hiện đầy đủ các nội dung trong văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GDĐT về thực hiện nhiệm vụ Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học năm học 2025-2026.

Tổ chức thực hiện chương trình môn học GDTC đảm bảo thời lượng, phù hợp về nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức.

Chỉ đạo tham gia tập huấn nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp, hình thức và kỹ năng tổ chức các hoạt động thể thao cho giáo viên giáo dục thể chất.

Duy trì việc tổ chức các hoạt động phong trào, các câu lạc bộ TDTT; tổ chức hiệu quả Hội thi TDTT cấp trường. Lựa chọn, thành lập các đoàn tham gia các giải thi đấu thể thao do tỉnh, ngành, xã tổ chức đạt nhiều thành tích đáng kể.

6.2. Công tác y tế, an toàn trong trường học

Phối hợp trạm Y tế tổ chức các hoạt động truyền thông nhằm thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và đảm bảo môi trường trường học an toàn, vệ sinh; phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm; tuyên truyền, phổ biến tới học sinh, cha mẹ học sinh chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế. Hoạt động tuyên truyền được tổ chức thường xuyên (ít nhất 1 lần/tháng)

Tổ chức khám, kiểm tra sức khỏe định kì theo năm học cho học sinh.

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý.

Báo cáo số liệu về công tác y tế trường trên Cơ sở dữ liệu của ngành đúng thời gian, đầy đủ về số liệu.

6.3. Công tác giáo dục dân tộc

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương và Ban đại diện cha mẹ học sinh để "ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường". Nhờ đó, tỷ lệ huy động trẻ

DTTS trong độ tuổi ra lớp đạt 100%. Thường xuyên rà soát, nắm bắt tâm tư, hoàn cảnh của những học sinh có nguy cơ bỏ học để kịp thời động viên, hỗ trợ.

Nhà trường đã thực hiện chi trả nghiêm túc, đúng, đủ và kịp thời các chế độ chính sách của Nhà nước dành cho học sinh DTTS (như miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ gạo, chi phí ăn ở theo Nghị định của Chính phủ).

Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh DTTS; chú trọng thực hành, trực quan sinh động và giảm tải kiến thức hàn lâm. Tổ chức các lớp phụ đạo miễn phí cho học sinh yếu, kém là người DTTS để bù đắp hồng kiến thức, đồng thời phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.

Nhà trường lồng ghép giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc vào các môn học như Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục địa phương. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hội thi, các trò chơi dân gian (kéo co, tung còn, nhảy sạp...) nhằm giúp học sinh giữ gìn và tự hào về bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Tổ chức giáo dục kỹ năng sống, phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và bạo lực học đường cho học sinh vùng đồng bào DTTS.

6.4. Công tác quản lý tài chính

Quản lý ngân sách: Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ và công khai tài chính theo đúng quy định. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

Huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và khen thưởng học sinh giỏi, học sinh đạt thành tích cao.

Quản trị tài chính: Thực hiện thu - chi đúng nguyên tắc tài chính công, minh bạch, tiết kiệm, đảm bảo đầy đủ chế độ, chính sách cho CBQL, GV, NV và HS.

Thực hiện các khoản thu đầu năm học 2025-2026 đúng, đảm bảo theo hướng dẫn tại Công văn số 2642/SGDĐT-KHTC ngày 03/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên và công văn số 500/UBND-VHXXH ngày 08/09/2025 của UBND xã Tuần Giáo, được sự nhất trí của chính quyền, sự đồng thuận, ủng hộ của giáo viên, phụ huynh và nhân dân địa phương.

6.5. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng giới thiệu về những hoạt động mới, tiêu biểu của nhà trường, giới thiệu những nhân tố điển hình, các tấm gương người tốt việc tốt, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

6.7. Thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua

Kết quả thi đua năm học 2025-2026

- Học sinh: Học sinh Xuất sắc: 05. Học sinh Giỏi: 70.
- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 32/32 cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt 100%.
- Lao động tiên tiến: 32/32 = 100% tổng số viên chức, người lao động.

Trong đó: Chiến sĩ thi đua cơ sở: 10/32 tổng số Lao động tiên tiến.

- Tập thể: Đề nghị UBND xã Tuần Giáo tặng thưởng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Anh Dũng